

Số: 1457 /QĐ-UBND

Nam Định, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố chuẩn hoá danh mục thủ tục hành chính trong
lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp huyện**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa
đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành
chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng
Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/4/2025 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực
Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-UBND ngày 19/02/2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Nam Định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ
chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Nam Định;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số
2555/TTr-SNNMT ngày 21/5/2025 về việc công bố chuẩn hoá danh mục thủ tục
hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở tài chính, UBND cấp huyện.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hoá danh mục 21 thủ tục
hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc thẩm quyền giải quyết của
Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, UBND cấp huyện (có Phụ lục
kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 01 thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự 8 mục I phần A lĩnh vực chăn nuôi thú y Phụ lục kèm theo Quyết định số 1888/QĐ-UBND ngày 31/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 05 thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự: 6, 7, 9 mục II phần A Phụ lục kèm theo Quyết định số 2180/QĐ-UBND ngày 08/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Bãi bỏ các nội dung công bố đối với 06 thủ tục hành chính đã được công bố tại số thứ tự: 1, 2, 3, 4, 6, 8 tại Quyết định số 2096/QĐ-UBND ngày 10/11/2022 của UBND tỉnh.

Bãi bỏ các Quyết định: Số 407/QĐ-UBND ngày 01/3/2023; số 1003/QĐ-UBND ngày 10/5/2024; số 1946/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND cấp huyện tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Giao Sở Tài chính tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố tại Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Nam Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- Công TTĐT tỉnh; Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, TT.

CHỦ TỊCH



Phạm Đình Nghị



Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ THÚ Y THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, SỞ TÀI CHÍNH, UBND CẤP HUYỆN
(Kèm theo Quyết định số: 1457/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Nam Định)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG				
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Thông tư số 24/2021 TT-BTC ngày 31/3/2021	- Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài Chính; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.
2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: 25 ngày làm việc (28 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính). - Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đơn đặt hàng: 10 ngày làm việc đối	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Thông tư số 24/2021 TT-BTC ngày 31/3/2021	- Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; - Thông tư số 21/2019/TT - NN PTNT ngày 28/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài Chính; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.

		với hồ sơ đạt yêu cầu (13 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính).			
3	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài Chính; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.
4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	05 ngày làm việc đối với hồ sơ đạt yêu cầu (08 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ qua mạng hoặc qua dịch vụ bưu chính).	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Theo quy định tại Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021	- Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018; - Thông tư số 21/2019/TT- BNN PTNT ngày 28/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ Tài Chính; - Nghị Định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ.
5	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	15 ngày, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.
6	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các	32 ngày, tính từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công,	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.

	chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công		KSTTHC và XTĐT tỉnh		
7	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	20 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.
II	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH				
1	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với đối tượng được hỗ trợ rà soát và lập hồ sơ giải ngân gửi tới Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh: Trong thời hạn không quá 15 ngày tính từ ngày nhận được hồ sơ; - Giải ngân khoản kinh phí hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, tính từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.
III	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN				
1	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	90 ngày làm việc Nộp danh sách gia súc đã được phối giống nhân tạo cho cơ quan chuyên môn cấp huyện: 03 tháng/lần.	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.

2	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	40 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện	Không	Nghị định số 106/2024/NĐ-CP ngày 01/8/2024 của Chính phủ.
---	---	------------------	---	-------	---

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÚ Y

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG					
1	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ; Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở thực hiện khắc phục; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/ lần; - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC.	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 24/2022/TT- BNN PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/ lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 13/2016/TT- BNN PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 18/2018/TT- BNN PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2022/TT- BNN PTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
3	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	- Đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi bắt đầu kiểm dịch. - Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở an toàn dịch bệnh hoặc tham gia chương trình giám sát dịch bệnh: cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.	Trực tiếp tại địa điểm kiểm tra	Phí kiểm dịch: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC. Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 26/2016/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 283/2016/TT- BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 101/2020/TT- BTC của Bộ Tài chính.
4	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	* Kiểm dịch động vật vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: - Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời	Trực tiếp tại địa điểm kiểm tra	Phí kiểm dịch: Theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC.	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 25/2016/TT-BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT;

		hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. - Đối với động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch. * Kiểm dịch sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh: - Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu kiểm dịch. - Đối với sản phẩm động vật xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã được giám sát không có mầm bệnh hoặc đã được phòng bệnh bằng vắc xin và còn miễn dịch bảo hộ với các bệnh, từ cơ sở sơ chế, chế biến được định kỳ kiểm tra vệ sinh thú y: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký kiểm dịch.		Chi phí khác: Biểu khung giá dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 283/2016/TT-BTC	- Thông tư số 35/2018/TT-BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 09/2022/TT-BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 04/2024/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.
5	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ;	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng /lần;	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 24/2022/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

		Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng thực hiện khắc phục; Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục.		- Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC.	
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Phí, lệ phí: 900.000 đồng /giấy	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 13/2016/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
7	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Phí, lệ phí: 50.000 đồng/ CCHN	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng /lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 24/2022/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công,	Không	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

			KSTTHC và XTĐT tỉnh		- Thông tư số 13/2016/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 18/2018/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính; - Thông tư số 13/2022/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT.
10	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng /lần	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Thông tư số 24/2022/TT- BNN PTNT Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.
11	Cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành Chăn nuôi và thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	- Trường hợp cấp mới: 05 ngày làm việc; - Trường hợp gia hạn: 03 ngày làm việc.	Trung tâm Phục vụ hành chính công, KSTTHC và XTĐT tỉnh	Phí, lệ phí: 50.000 /CCHN đồng	- Luật Thú y ngày 19/6/2025; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.